

Số: 2033/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả xét tuyển viên chức năm 2022**

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐT ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, viên chức và nhân viên trong Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 1326/BGDĐT-TCCB ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 1601/TB-ĐHĐT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc tuyển dụng viên chức năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-ĐHĐT ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2829/QĐ-ĐHĐT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Đồng Tháp về việc thành lập các Ban giúp việc về chuyên môn cho Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 2830/QĐ-ĐHĐT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc thành lập Ban giám sát công tác tuyển dụng viên chức năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp về kết quả xét tuyển của ứng viên.

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo kết quả xét tuyển viên chức năm 2022 của Nhà trường như sau:

**1. Số lượng ứng viên tham dự vòng kiểm tra, sát hạch**

- a) Vị trí Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học xã hội: 01 ứng viên;
- b) Vị trí Giảng viên Khoa Kinh tế: 03 ứng viên;
- c) Vị trí Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên: 01 ứng viên;



- d) Vị trí Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học: 02 ứng viên;
- đ) Vị trí Chuyên viên Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm: 03 ứng viên;
- e) Vị trí Chuyên viên Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên: 01 ứng viên;
- g) Vị trí Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính: 05 ứng viên;
- h) Vị trí Chuyên viên Phòng Thông tin và Truyền thông: 05 ứng viên;
- i) Vị trí Chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ: 05 ứng viên;
- k) Vị trí Chuyên viên Phòng Thiết bị và Xây dựng cơ bản: 01 ứng viên;
- l) Vị trí Chuyên viên Phòng Hành chính - Tổng hợp: 01 ứng viên;
- m) Vị trí Chuyên viên Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học: 05 ứng viên.

## 2. Kết quả xét tuyển viên chức

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo để các ứng viên tham gia dự tuyển được biết. Sau khi hết thời hạn theo quy định, Hiệu trưởng sẽ phê duyệt kết quả trúng tuyển và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến ứng viên. /.

### Nơi nhận:

- Đảng ủy, HDT, Lãnh đạo Trường;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Các Ban giúp việc về chuyên môn;
- Các đơn vị trong trường;
- Các ứng viên dự tuyển;
- Đăng website, E-Office;
- Lưu: VT, TCCB, Phúc.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống





**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM VÒNG 2**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
(Kèm theo Thông báo số 203/TB-ĐHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Trình độ, chuyên môn đào tạo	Cơ sở đào tạo	Diện ưu tiên	Kết quả điểm xét tuyển				Ghi chú
										Điểm phản phòng vấn, nghiệp vụ sư phạm (Quy theo thang điểm 100)		Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Trung bình cộng điểm phản phòng vấn, nghiệp vụ sư phạm + điểm ưu tiên)	
										Phòng vấn	Nghiệp vụ sư phạm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>A. VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY</b>														
<b>1. Khoa Sư phạm Khoa học xã hội</b>														
1	Dương Tô Quốc Thái	01/01/1987	Nam	Số 167, ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	1	Giảng viên	Tiến sĩ, Lịch sử Việt Nam	Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Không	x	x	x	x	
2	Nguyễn Hiếu Nghĩa	04/09/1986	Nam	Số 103, ấp Long Phú A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp		Giảng viên	Thạc sĩ, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Lịch sử	Đại học Sư phạm, Đại học Huế	Không	x	x	x	x	
3	Võ Thị Mỹ Linh	25/01/1992	Nữ	Tổ 10, Ấp 1, xã Mỹ Tân, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Giảng viên	Thạc sĩ, Luật (Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật) Cử nhân, Tài chính - Ngân hàng	Đại học Vinh Đại học Cần Thơ	Không	x	75,2	x	75,2	
<b>2. Khoa Kinh tế</b>														
1	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/09/1994	Nữ	Số 204/2, ấp Tân Phong, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	3	Giảng viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Đồng Tháp	Không	x	74,7	x	74,7	
2	Nguyễn Thị Như Hằng	12/10/1988	Nữ	Số 12 Trần Thị Nhượng, Tổ 13, Khóm 2, Phường 4, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Giảng viên	Thạc sĩ, Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật	Không	x	73,8	x	73,8	
3	Lê Huỳnh Trường Giang	01/03/1989	Nam	Số 123/1 Trần Thị Nhượng, phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Giảng viên	Thạc sĩ, Kinh tế học Cử nhân, Tài chính - Ngân hàng	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Không	x	76,9	x	76,9	
4	Nguyễn Chi Thảo	16/12/1988	Nữ	Ấp Công Thành, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	Giảng viên	Thạc sĩ, Tài chính - Ngân hàng	Đại học Tài chính - Marketing	Không	x	x	x	x	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Trình độ, chuyên môn đào tạo	Cơ sở đào tạo	Diện ưu tiên	Kết quả điểm xét tuyển				Ghi chú
										Điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm (Quy theo thang điểm 100)		Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm + điểm ưu tiên)	
										Phỏng vấn	Nghiệp vụ sư phạm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>3. Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học</b>														
1	Tiêu Ngọc Thúy	05/09/2000	Nữ	Số 170, ấp Tham Bua, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	1	Giảng viên	Cử nhân, SP Tiếng Anh	Đại học Đồng Tháp	Không	x	92,2	x	92,2	
2	Phạm Huỳnh Thúy Uyên	19/01/1987	Nữ	Số 490, Tô 40, Khóm 4, Phường 4, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Giảng viên	Cử nhân, SP Tiếng Anh	Đại học Đồng Tháp	Không	x	82,1	x	82,1	
<b>4. Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên</b>														
1	Trương Thị Bạch Yến	15/01/1980	Nữ	Số 300/5 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 1, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	1	Giảng viên	Thạc sĩ, NCS Vật lý (Vật lý kỹ thuật)	Đại học Cần Thơ	Không	x	78,6	x	78,6	
<b>B. VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH</b>														
<b>1. Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học</b>														
1	Trần Thị Ngọc Dê	16/04/1999	Nữ	Ấp An Chay, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	1	Chuyên viên	Cử nhân, Ngôn ngữ Anh	Đại học Đồng Tháp	Không	89,1	x	x	89,1	
2	Lê Thị Ngọc Diệp	13/02/1997	Nữ	C48, Tô 48, Khóm 5, Phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, SP Tiếng Anh	Đại học Đồng Tháp	Không	90	x	x	90	
3	Lê Duyên Khánh	24/12/2000	Nữ	Số 26 Phạm Thế Hiển, khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học Đồng Tháp	Không	79,3	x	x	79,3	
4	Lê Phát Huy	09/08/1989	Nam	Số 65 <sup>A</sup> , ấp Tân Hòa Thượng, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Ngôn ngữ Anh, Khoa học thư viện	Đại học Đồng Tháp	Không	85,7	x	x	85,7	
5	Trần Thị Ánh Xuân	05/12/1998	Nữ	Số 328, ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang		Chuyên viên	Cử nhân, SP Tiếng Anh	Đại học Cần Thơ	Không	74,5	x	x	74,5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Trình độ, chuyên môn đào tạo	Cơ sở đào tạo	Diện ưu tiên	Kết quả điểm xét tuyển				Ghi chú
										Điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm (Quy theo thang điểm 100)		Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm + điểm ưu tiên)	
										Phỏng vấn	Nghiệp vụ sư phạm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>2. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm</b>														
1	Đinh Thị Thùy Linh	28/10/1982	Nữ	Ấp Mỹ Thạnh, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Thạc sĩ, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Đại học Vinh	Không	83,4	x	x	83,4	
2	Tô Bá Cường	13/08/1985	Nam	Số 195 Cách Mạng Tháng 8, Phường 3, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Vật lý	Đại học Khoa học tự nhiên	Không	87	x	x	87	
3	Huỳnh Ngọc Tâm	16/05/1983	Nam	Chợ Kinh 15, Ấp 1, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Tiến sĩ, Công nghệ sinh học Thạc sĩ, Sinh học	Đại học Cần Thơ Đại học Vinh	Không	87,4	x	x	87,4	
4	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	07/10/1993	Nữ	Số 123A/9, Ấp An Thạnh, xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long		Chuyên viên	Thạc sĩ, Sinh thái học	Đại học Cần Thơ	Không	x	x	x	x	
<b>3. Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên</b>														
1	Võ Thủy Tiên	13/03/2000	Nữ	Ấp 5, xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Cử nhân, Sư phạm Hóa học	Đại học Đồng Tháp	Không	86,6	x	x	86,6	
<b>4. Phòng Kế hoạch - Tài chính</b>														
1	Nguyễn Thị Hồng Ân	24/12/1982	Nữ	Ấp Đông Lưu, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	2	Chuyên viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Đà Nẵng	Không	86,6	x	x	86,6	
2	Huỳnh Hoa Thanh Thúy	17/07/1990	Nữ	Tổ 75 khóm Mỹ Thiện, Phường 3, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Tài chính - Marketing	Không	82,5	x	x	82,5	
3	Huỳnh Thị Thanh Thảo	26/07/2000	Nữ	Ấp Phụng Quới B, Thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ		Chuyên viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Đồng Tháp	Không	86	x	x	86	
4	Trần Thị Hậu	16/12/1990	Nữ	Số 234 CMT8, khóm Mỹ Phước, Phường 3, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Cần Thơ	Không	88,6	x	x	88,6	
5	Nguyễn Phạm Ngọc Thảo	30/08/1999	Nữ	Số C36, Tổ 48, Khóm 5, Phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Kế toán	Đại học Đồng Tháp	Không	83,2	x	x	83,2	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Trình độ, chuyên môn đào tạo	Cơ sở đào tạo	Diện ưu tiên	Kết quả điểm xét tuyển				Ghi chú
										Điểm phân phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm (Quy theo thang điểm 100)		Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Trung bình cộng điểm phân phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm + điểm ưu tiên)	
										Phỏng vấn	Nghiệp vụ sư phạm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>5. Phòng Thông tin và Truyền thông</b>														
1	Nguyễn Hoàng Long	19/02/2000	Nam	Ấp Tân Long B, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	2	Chuyên viên	Cử nhân, Giáo dục Tiểu học	Đại học Đồng Tháp	Không	89	x	x	89	
2	Nguyễn Thanh Liêm	31/05/1989	Nam	Số 16, ấp An Nghiệp, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, SP Ngữ văn	Đại học Đồng Tháp	Không	84,5	x	x	84,5	
3	Châu Thị Linh Kiều	15/09/1994	Nữ	Số 430/20, ấp Đông Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang		Chuyên viên	Cử nhân, SP Âm nhạc	Đại học Đồng Tháp	Không	77,1	x		77,1	
4	Phan Nguyễn Anh Duy	23/02/1993	Nam	Số 244/11/12 CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ		Chuyên viên	Cử nhân, Thanh nhạc	Nhạc viện TP Hồ Chí Minh	Không	x	x	x	x	
5	Lê Thị Hồng Nhung	18/02/1998	Nữ	Số 70/2, ấp Tân Phong, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Giáo dục Tiểu học	Đại học Đồng Tháp	Không	80,3	x	x	80,3	
6	Đặng Hoài Phong	30/04/1997	Nam	Ấp Kinh Xuôi, xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh		Chuyên viên	Cử nhân, SP Âm nhạc	Đại học Đồng Tháp	Không	88	x	x	88	
<b>6. Phòng Tổ chức cán bộ</b>														
1	Nguyễn Thị Vân Anh	26/08/1999	Nữ	Số 643 Lê Văn Cừ, khóm Thuận Trung, phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Cử nhân, Luật	Đại học An Giang	Không	74	x	x	74	
2	Nguyễn Trần Phúc Hậu	02/01/1999	Nam	Tổ 01, ấp Tân Định, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long		Chuyên viên	Cử nhân, Luật	Đại học Kiểm sát Hà Nội	Không	78,3	x	x	78,3	
3	Nguyễn Quốc Toàn	21/03/1981	Nam	Ấp Tân Thuận, xã Tân Bình, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre		Chuyên viên	Cử nhân, Luật Thạc sĩ, Khoa học giáo dục	Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh Đại học Vinh	Không	85,6	x	x	85,6	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Trình độ, chuyên môn đào tạo	Cơ sở đào tạo	Diện ưu tiên	Kết quả điểm xét tuyển				Ghi chú
										Điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm (Quy theo thang điểm 100)		Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, nghiệp vụ sư phạm + điểm ưu tiên)	
										Phỏng vấn	Nghiệp vụ sư phạm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4	Vân Thị Bạch Cúc	19/08/1982	Nữ	Khóm 3, Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Kinh tế Luật	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Không	76,8	x	x	76,8	
5	Nguyễn Văn Phước Tiến	23/12/1986	Nam	Số 268, Tô 5, ấp Tịnh Châu, xã Tịnh Thời, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		Chuyên viên	Cử nhân, Luật	Đại học Cần Thơ	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	88,2	x	2,5	90,7	
<b>7. Phòng Thiết bị và Xây dựng cơ bản</b>														
1	Lê Thanh Sang	04/05/1987	Nam	Số 231, ấp Long Bửu, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Kỹ sư, Điện công nghiệp	Đại học SPKT TP. Hồ Chí Minh	Không	85,3	x	x	85,3	
<b>8. Phòng Hành chính - Tổng hợp</b>														
1	Lê Thị Cẩm Nương	01/07/1999	Nữ	Tô 2, ấp Tân Tịch, xã Tịnh Thời, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1	Chuyên viên	Cử nhân, Quản trị khách sạn	Đại học Nguyễn Tất Thành	Không	75,2	x	x	75,2	

Danh sách này có tổng cộng 38 (Ba mươi tám) ứng viên.

Trong đó: - 33 (Ba mươi ba) ứng viên tham dự vòng phỏng vấn hoặc thực hành nghiệp vụ sư phạm.

- 05 (Năm) ứng viên không tham dự vòng phỏng vấn hoặc thực hành nghiệp vụ sư phạm. / *du*